

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Trương Minh Dục*

Tóm tắt: Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc/tộc người, đa văn hóa. Văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (DTTS) được hình thành trong suốt chiều dài lịch sử, luôn là di sản quý giá, góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng và thống nhất của nền văn hóa Việt Nam.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách ưu đãi phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng các tộc người thiểu số. Cùng với việc thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, nhiệm vụ phát triển văn hóa ở các dân tộc thiểu số được đẩy mạnh nhằm xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh cho đồng bào các dân tộc thiểu số, trong đó, việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số là nhiệm vụ cấp thiết để phát triển bền vững đất nước.

Từ khóa: Văn hóa dân tộc thiểu số, bảo tồn, phát huy.

1. Giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam

Các dân tộc thiểu số (DTTS) nước ta là chủ nhân của một kho tàng văn hóa truyền thống phong phú với những giá trị vật chất, tinh thần được tích tụ, gìn giữ trong toàn bộ quá trình lịch sử phát triển.

- *Vùng trung du, miền núi phía Bắc* là một địa bàn rộng lớn và là nơi sinh sống của nhiều DTTS. Là địa bàn cư trú xen kẽ của nhiều dân tộc nhưng có sự khác nhau giữa Đông Bắc và Tây Bắc. Vùng Đông Bắc là nơi cư trú của người Tày, Dao, Mường, Nùng,...; vùng Tây Bắc là nơi cư trú của người Thái, Mông, Dao,... Trong nhóm các dân tộc thiểu số, có một số dân tộc ở trình độ phát triển cao hơn so với các dân tộc khác về kinh tế và xã hội: người Thái đã từng sớm có một nền văn hóa rực rỡ; người Tày, Nùng đã đạt đến một giai đoạn phát triển cao với sự xuất hiện các tầng lớp xã hội khác nhau. Người Mường, Mông, Dao,... tập trung dưới quyền giám hộ của tù trưởng địa phương; nhiều dân tộc còn

chia thành đẳng cấp... Mỗi nhóm dân tộc đều có nền văn hóa mang bản sắc riêng, đa dạng và độc đáo, được thể hiện qua ngôn ngữ, trang phục, nhà ở, ẩm thực, phong tục tập quán,... Tín ngưỡng và tôn giáo của các dân tộc cũng có điểm khác biệt.

Các dân tộc trong vùng sống gần bó thường xuyên với môi trường tự nhiên nên mặc nhiên ở họ xuất hiện niềm tin vào số phận, vào lực lượng siêu nhiên và đó chính là cơ sở của niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo. Tín ngưỡng các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc trước hết là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, sau là tín ngưỡng đa thần giáo và một số phương diện chịu ảnh hưởng của Phật giáo, Đạo giáo.

Tại những nơi có đông người Tày, Nùng, Dao có nhiều phong tục tập quán, lễ hội phong phú như hát then và điệu giao duyên sli (người Nùng), hát lượn (người Tày), sinh ca (người Sán Chay),.... Các trò chơi dân gian như ném pao, thổi khèn và múa các điệu múa dân tộc...; thi bắn nỏ, hát giao duyên,.. Lễ hội Gầu Tào được coi là lễ hội tiêu biểu, thể hiện nét văn hóa tín ngưỡng đặc sắc của người Mông. Lễ hội là dịp để cúng tạ trời đất, thần

* PGS.TS. Học viện Chính trị khu vực III.

linh phù hộ, ban cho dân bản tài lộc, mọi người sức khỏe, mùa màng bội thu, gia súc đầy chuồng.

Theo số liệu của Ban Chỉ đạo Tây Bắc, tại thời điểm năm 2017, chỉ tính riêng ở Tuyên Quang đã tiến hành kiểm kê 16 trong số 26 dân tộc trên địa bàn, thì có 425 di sản phi vật thể, trong đó, 5 trong số 6 di sản văn hóa là của các DTTS, được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Ở Lào Cai đã sưu tầm 178 hiện vật dân tộc học, khôi phục các lễ hội truyền thống đặc sắc của các DTTS trên địa bàn (1).

- Ở vùng Tây Nguyên, các tộc người có một kho tàng sử thi đồ sộ, trong đó tỉnh Đắk Lắk có một số khối lượng sử thi lớn nhất nước ta, bao gồm 300 danh mục sử thi của dân tộc Mnông, Ê Đê, đã sưu tầm được 70 sử thi, dịch thành văn bản (song ngữ Việt - Ê Đê và Mnông - Việt), 40 sử thi (trong đó có 7 sử thi Ê Đê, 33 sử thi Mnông), tiêu biểu là các sử thi: *Đăm San, Xinh Nhã, Đăm Tiông* của đồng bào Ê Đê; *Sử thi Đẻ Tiếng, Đánh cá hồ Lau Lách, Bán tượng gỗ, Bón Tiếng bị bị sập...* của đồng bào Mnông; còn ở Gia Lai và Kon Tum có 10 bộ sử thi Ba Na gồm 5.511 trang (2). Trong số đó có 4 di sản sử thi đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là: Khan (Sử thi) của người Ê Đê (tỉnh Đắk Lắk); Ot Ndong (Sử thi) của người Mnông (huyện Tuy Đức, huyện Đắk Song, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông); Homon (Sử thi) của người Ba Na (huyện Đắk Đoa, huyện Đắk Pơ, huyện Kbang, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai); Homon (Sử thi) của người Ba Na - Rơ Ngao (tỉnh Kon Tum). Sử thi Tây Nguyên đang được hoàn chỉnh hồ sơ trình UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể thế giới.

Sau sử thi, luật tục là di sản văn hóa có ảnh hưởng sâu sắc và dai dẳng trong đời sống cộng đồng các tộc người thiểu số ở

Tây Nguyên. Với những bộ luật khá nổi tiếng như: Luật tục Ê Đê (11 chương), Luật tục Mnông (8 chương, 215 điều); Luật tục Gia Rai (15 chương); Luật tục Xtiêng (4 chương); Luật tục Hrê (9 chương, 92 điều); Luật tục Mạ (13 chương, 68 điều) (3).

Một di sản văn hóa khác của Tây Nguyên là công chiêng có một khối lượng khá lớn. Trên cơ sở những giá trị văn hóa sưu tầm và nghiên cứu, ngành văn hóa đã lập hồ sơ và ngày 25-11-2005, UNESCO công nhận *Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên là một Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại* và đến năm 2009 là *Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại*.

- *Vùng Tây Nam Bộ* là nơi cư ngụ của đồng bào các tộc người Khơ Me, Hoa, Việt, trong đó văn hóa người Khơ Me được xem là nét đặc sắc trong kho tàng văn hóa Việt Nam bởi tính phong phú đa dạng, về cả loại hình lẫn tính chất, sự tinh xảo, nét độc đáo trên nhiều loại hình khác nhau, thể hiện ở tôn giáo kiến trúc (chùa...), ẩm thực, trang phục, lễ hội truyền thống... tín ngưỡng.

Người Khơ Me có một kho tàng văn học dân gian, gồm nguồn truyện kể (truyện cổ tích - có nhiều nét giống mô típ các truyện của người Việt, thần thoại, ngụ ngôn, truyện cười), các câu tục ngữ, châm ngôn đúc kết các hiện tượng tự nhiên và xã hội. Bên cạnh đó, văn học viết cũng khá phát triển.

Vốn là một dân tộc có truyền thống văn nghệ, người Khơ Me đã sáng tạo ra nhiều loại hình ca vũ độc đáo, từ điệu múa trống Xà-jam, múa vui Krap, múa gáo dừa Tro-lok, múa chằng Khum-rông; từ điệu hát A-yay trữ tình Prop-kay đối đáp... cho đến những hình thức sân khấu hoàn chỉnh như kịch múa Robam và kịch hát Yuke.

Như vậy, mỗi DTTS ở mọi vùng, miền trên đất nước ta đều có những nét văn hóa độc đáo, đa dạng đóng góp vào nền văn hóa đa

dạng của dân tộc Việt Nam trên con đường phát triển.

2. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số

Văn hóa truyền thống các DTTS là những giá trị vật chất, tinh thần được tích tụ, gìn giữ trong toàn bộ quá trình lịch sử phát triển các DTTS. Trong dòng chảy toàn cầu hóa, bảo tồn văn hóa truyền thống các DTTS nhằm lưu giữ tính đa dạng của văn hóa Việt Nam, làm phong phú kho tàng văn hóa thế giới; giúp tăng cường khai thác nguồn tài nguyên văn hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Bên cạnh đó, làm tốt công tác này còn góp phần nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc; chống lại những âm mưu phá hoại, chia rẽ của các lực lượng thù địch.

Cùng với chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, việc bảo tồn văn hóa truyền thống các DTTS cũng đạt được những thành tựu đáng kể.

Việt Nam đã có nhiều nỗ lực, cố gắng để đạt được những kết quả lớn trong việc bảo tồn, kế thừa và phát huy nền văn hóa truyền thống các DTTS. Nhà nước đã đầu tư nguồn kinh phí lớn triển khai các chương trình nghiên cứu về văn hóa các dân tộc; nghiên cứu, sưu tầm văn học dân gian; khuyến khích bảo tồn các bản, buôn làng cổ truyền, phát triển nghề thủ công và khôi phục các lễ hội văn hóa.

Chỉ trong 10 năm từ năm 2005 đến 2015, với hàng nghìn hoạt động thiết thực nhằm bảo tồn và gìn giữ bản sắc văn hóa cộng đồng Tây Nguyên, các hoạt động đã có những đóng góp tích cực vào đời sống văn hóa, tinh thần của cộng đồng các dân tộc sinh sống trên địa bàn, góp phần bảo tồn, và phát huy tính đa dạng văn hóa của vùng miền, quốc gia và quốc tế. Đặc biệt, năm 2009, Festival Cộng đồng Quốc tế được tổ chức tại Gia Lai với sự tham gia của 63

đội cộng đồng đại diện cho 6 quốc gia trong khu vực: Campuchia, Ấn Độ, Lào, Philippin, Myanmar và Việt Nam đã có tiếng vang lớn, góp phần truyền bá văn hóa cộng đồng Tây Nguyên ra thế giới.

Các sinh hoạt văn hóa cũng được quan tâm khôi phục và phát huy thông qua các hoạt động văn hóa dân tộc có quy mô lớn như: Ngày hội văn hóa và thể thao các dân tộc, liên hoan cộng đồng, liên hoan ca múa nhạc dân gian, triển lãm trang phục các dân tộc, được kế thừa nâng cao, sáng tác thành những tác phẩm văn học nghệ thuật phổ biến rộng rãi như các tác phẩm về văn học dân gian, về nghệ thuật ca múa nhạc chuyên nghiệp, những sản phẩm mỹ thuật truyền thống, những tiết mục văn nghệ dân tộc trong các hội thi, hội diễn, trong các bộ phim tài liệu nghệ thuật, trong các chương trình phát sóng phát thanh, truyền hình. Thông qua các hoạt động hội diễn, hội thi ca múa nhạc dân gian, ngày hội văn hóa các dân tộc, triển lãm trang phục, các công trình nghiên cứu, hội thảo khoa học về văn hóa cộng đồng, luật tục, sử thi,... văn hóa nghệ thuật truyền thống các dân tộc ngày càng được khám phá, phát hiện và gìn giữ, phát huy (4).

Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS, phục dựng các lễ hội các nghề thủ công truyền thống và ẩm thực dân tộc lồng với các hoạt động du lịch góp phần phát triển kinh tế tại các địa phương, đã đem lại thu nhập cho chính các chủ thể văn hóa và góp phần quảng bá rộng rãi văn hóa các DTTS ở trong nước và ngoài nước.

Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, nhiều làng văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch sinh thái được xây dựng thí điểm ở các tỉnh Nghệ An, Hòa Bình, Hà Giang, Lào Cai, v.v... Các tỉnh Lào Cai, Điện Biên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hòa Bình, Nghệ An,... triển khai chủ trương dạy và học tiếng dân tộc Thái, tiếng Mông, Mường, Tày, Nùng

trong trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên nhằm bảo tồn tiếng nói và chữ viết các DTTS (5).

Ở các tỉnh Tây Nguyên, tỉnh Đắk Nông khôi phục được hơn 50 lễ hội của các nhóm dân tộc; tổ chức được trên 100 lớp truyền dạy công chiêng từ cấp huyện, thị xã đến cấp tỉnh; thành lập được 8 câu lạc bộ công chiêng và 8 đội văn nghệ dân gian; cấp 150 bộ chiêng và 15 bộ goong cho phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị... Tỉnh Đắk Lắk thống kê được 2.307 bộ chiêng đủ; 3.855 người biết diễn tấu công chiêng; 393 người biết chỉnh chiêng; 635 người biết dạy đánh công chiêng; 1.270 nghệ nhân biết sử dụng nhạc cụ tre nứa; 2.608 nhà truyền thống; 220 bến nước truyền thống; 155 nghi lễ - lễ hội truyền thống với các tên khác nhau; số nghệ nhân biết chế tác nhạc cụ tre nứa, gỗ, đá có 568 người. Toàn tỉnh hiện có 16 đội thông tin lưu động; 184 đội văn nghệ cấp xã, phường; 554 đội công chiêng truyền thống; tổ chức liên hoan văn hóa công chiêng, ngày hội văn hóa các dân tộc; hội diễn văn nghệ quần chúng ở tỉnh 2 năm/lần, ở huyện, thị xã, thành phố 1 năm/lần. Tỉnh Lâm Đồng mở được 45 lớp truyền dạy công chiêng cho hơn 1.080 học viên là thế hệ trẻ người Mạ, Cơ Ho và Chu Ru; tổ chức thành công 3 liên hoan văn hóa công chiêng cấp huyện; trang bị được 12 bộ chiêng truyền thống (chiêng 6 hoặc chiêng 3) kèm theo trang phục truyền thống cho các địa phương trong tỉnh; hỗ trợ hình thành 3 mô hình bảo tồn tại địa bàn các huyện Đơn Dương, Đức Trọng và Lạc Dương. Tỉnh Kon Tum năm 1998 chỉ còn 191 nhà rông, thì đến tháng 12/2014, có 302 nhà rông và 1.853 bộ công chiêng, 427 đội nghệ nhân công chiêng. Tại Gia Lai, đã tổ chức được 87 lớp truyền dạy với gần 1.200 học viên được truyền dạy văn hóa dân gian như: truyền dạy nghệ thuật hát dân ca, truyền dạy nghề dệt, truyền dạy nghệ thuật đánh các bài cồng, chiêng trong

các dịp lễ hội của cộng đồng các dân tộc, lớp chế tác các nhạc cụ dân tộc; tổ chức các lớp truyền dạy chỉnh chiêng cho người Ba Na, Gia Rai trên địa bàn; tổ chức phục dựng: Lễ chuyển grom của Yang Potao Apui tại làng Ploi Oi, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện; Lễ Mừng lúa mới của người Gia Rai tại làng Mrông Yố, xã Ia Ka, huyện Chư Păh; Lễ Mừng lúa mới của người Bahnar tại làng Leng, xã Tơ Tung, huyện Kbang.

Đây là cố gắng lớn của cấp ủy, chính quyền địa phương và ngành chức năng trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc đã sinh sống lâu đời trên mảnh đất Việt Nam.

- Vấn đề hưởng thụ các giá trị, thành quả văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc ngày càng được nâng lên đáng kể.

Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa các địa phương quan tâm đến xây dựng thiết chế văn hóa ở nông thôn như: xây dựng nhà văn hóa cộng đồng, nhà rông văn hóa buôn làng, v.v... góp phần nâng cao một bước đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Theo số liệu của Tỉnh ủy Gia Lai, ở Gia Lai đã xây dựng 576 nhà rông công viên, 633 nhà văn hóa buôn làng, 74 nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng, 1.349 sân thể thao nông thôn, 96 câu lạc bộ các loại, 162 điểm bưu điện văn hóa xã, 400 thư viện, phòng đọc sách, của các trường học cơ quan, đơn vị, tủ sách pháp luật xã, 01 thư viện tỉnh và 15/17 thư viện huyện, với 465.292 bản sách (6).

Các tỉnh quan tâm xây dựng đời sống văn hóa ở buôn làng thông qua các phong trào xây dựng buôn làng văn hóa, gia đình văn hóa đã phát huy văn hóa mang bản sắc dân tộc truyền thống, kế thừa có chọn lọc những giá trị tiêu biểu, loại bỏ dần hủ tục, hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hóa.

Các đài phát thanh, truyền hình địa phương đã phát ổn định với thời lượng khá lớn nhiều thứ tiếng các dân tộc: Ê Đê, Ba Na, Gia Rai, Xơ Đăng, Cơ Ho, Mnông. Mặc dù, là vùng có địa hình không thuận lợi nhưng nhờ được sự đầu tư thích đáng xây dựng các cơ sở thu, truyền, phát sóng, nên ở Tây Nguyên tỷ lệ diện tích phủ sóng phát thanh đạt gần 100%, phủ sóng truyền hình đạt trên 93,8%; trong đó, tỷ lệ phủ sóng phát thanh ở các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Gia Lai, Đắk Lắk đạt 100%, tỉnh Kon Tum 95%; phủ sóng truyền hình ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk 100%, tỉnh Gia Lai 95%, tỉnh Đắk Nông 89% và tỉnh Kon Tum 85%. Các loại hình thông tin khác phát triển mạnh; có 4.468.743 thuê bao điện thoại (đạt 83,28 máy/100 dân); 177.884 thuê bao internet (đạt 3,31 thuê bao/100 dân); đã xây dựng được 533 bưu điện văn hóa xã (7).

Ở Tây Nam Bộ, các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, đài phát thanh - truyền hình tỉnh thực hiện chương trình phát thanh - truyền hình chương trình tiếng Khơ Me thường xuyên (Về phát thanh: ở Trà Vinh 90 phút/ngày, ở Sóc Trăng 3 buổi/ngày; về truyền hình ở Trà Vinh 60 phút/ngày, ở Sóc Trăng 2 buổi/ngày). Đặc biệt, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Sóc Trăng xây dựng chương trình phát thanh tiếng Hoa một buổi/ngày, truyền hình 2 buổi/tuần. Tỷ lệ hộ có phương tiện nghe nhìn tăng cao, trên 98%, có nơi đạt 100% (8). Các báo địa phương cũng xuất bản bằng tiếng Khơ Me và phát hành miễn phí (báo Sóc Trăng tiếng Khơ Me xuất bản 1 kỳ/tuần, tạp san Khơ Me ra 2 kỳ/tuần; báo Trà Vinh 2 kỳ/tuần và báo ảnh Khơ Me một kỳ/quý (9). Việc thực hiện chủ trương cấp không báo, tạp chí, tặng máy thu hình, thu thanh cho vùng DTTS đã góp phần đưa thông tin đến các DTTS. Vì vậy, khả năng tiếp nhận thông tin, tiếp cận với diễn biến thời sự trong nước và nước ngoài được kịp thời và nhanh chóng.

3. Những vấn đề đặt ra

Bên cạnh những kết quả tích cực, sự nghiệp bảo tồn các giá trị văn hóa ở vùng dân tộc thiểu số trong thời kỳ đổi mới còn những hạn chế.

Thứ nhất, môi trường văn hóa bị tàn phá với tốc độ nhanh. Đối với các dân tộc thiểu số, rừng không chỉ là không gian kinh tế (sinh tồn) mà còn là không gian văn hóa. Văn hóa các dân tộc thiểu số gắn với rừng, là kết quả của quá trình ứng xử của con người với môi trường tự nhiên và xã hội. Mất rừng không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế mà còn kéo theo sự phá vỡ cấu trúc văn hóa truyền thống, làm đứt gãy truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số. Bởi lẽ, khi vốn rừng bị tàn phá, tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt, có nghĩa là con người mất nguồn sống, văn hóa truyền thống mất cơ sở tồn tại, có nghĩa là người dân tộc thiểu số tự đánh mất chính mình.

Thứ hai, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số đang có nguy cơ bị suy giảm một cách nghiêm trọng, đặc biệt là văn hóa phi vật thể.

Trong quá trình đổi mới, song song với cơ hội được giao lưu, hội nhập là nguy cơ nhiều giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS bị mai một, lãng quên. Thách thức đầu tiên phải kể đến là nguy cơ đánh mất ngôn ngữ truyền thống, linh hồn của văn hóa dân tộc, cũng là phương tiện để chuyển tải, trao truyền nghệ thuật, phong tục tập quán của các tộc người. Khảo sát thực tế ở Sơn La cho thấy, người Thái là một trong những tộc người thiểu số có số lượng đông nhất nước ta, cũng có chữ viết từ sớm; nhưng từ những năm 70 của thế kỷ XX trở lại đây, tiếng Thái rất ít được dùng. Chỉ có đài phát thanh, truyền thanh ở các huyện, thị xã còn có chương trình tiếng Thái; còn trong giao tiếp hằng ngày ở thành thị, thậm chí tại nhiều gia đình có bố mẹ là người Thái, chỉ toàn dùng tiếng phổ thông. Ở nông thôn, một số nhà vẫn dùng tiếng Thái nhưng

rất ít. Hiện số người biết viết chữ Thái chỉ còn đếm trên đầu ngón tay. Trong khi đó, các trường học cũng chỉ dạy bằng tiếng phổ thông. Ngôn ngữ DTTS không được giảng dạy như một song ngữ cho chủ thể văn hóa, cho nên ngày càng mất chỗ đứng trong đời sống hằng ngày.

Bên cạnh đó, âm nhạc, vũ đạo, trang phục vốn được coi là bản sắc của đồng bào DTTS cũng đứng trước nguy cơ thất truyền. Giống như đàn bầu của người Việt, thì tính tấu của người Tày, Thái; tơ rưng, cồng chiêng của các DTTS ở Tây Nguyên; khèn của người Mông... là những nhạc cụ điển hình của từng dân tộc. Tương tự, những điệu múa sạp, múa chiêng của đồng bào Mường, Thái; múa trống, múa xúc tép của dân tộc Cao Lan; múa chèo thuyền, múa hoa sen của đồng bào Khơ Me Nam Bộ... đều là những di sản văn hóa tinh thần đặc biệt của các dân tộc.

Hiện nay, những loại hình nghệ thuật này đều đang dần ít xuất hiện. Những người lớn tuổi trong mỗi cộng đồng dân tộc không còn điều kiện truyền lại các kỹ năng, hiểu biết của mình cho lớp trẻ, bởi nhiều người cho rằng, việc giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống này ít có giá trị trong cuộc sống hiện đại.

Trước sức phát triển nóng của CNH, HĐH, kỹ thuật làm thủ công các sản phẩm dân gian truyền thống cũng có nguy cơ tiêu vong. Lâu nay, các mặt hàng dệt thổ cẩm; thêu hoa văn; chế tác nhạc cụ dân tộc bằng chất liệu đá, đồng, tre, nứa... vẫn là niềm tự hào, là minh chứng cho óc sáng tạo, sự khéo léo của người Việt Nam. Song, do thiếu đầu ra, lại vấp phải sự cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp bán sẵn hàng loạt, kỹ thuật làm thủ công dần bị mai một, lãng quên.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội sẽ phá vỡ cấu trúc hạ tầng kinh tế cũ, kéo theo sự thay đổi của văn hóa. Các lễ hội văn hóa dân

gian được xem như là bản sắc độc đáo và vốn quý có nguy cơ ngày càng mai một, hiện tượng nhất loạt phá bỏ các tập tục, lễ hội, nhiều nhạc cụ dân tộc bị thất thoát cùng với sinh hoạt văn hóa dân gian. Qua các đợt khảo sát, điền dã ở Tây Nguyên chúng tôi thấy rằng, quá trình phát triển thời gian qua đã làm cho văn hóa vật chất các tộc người có nhiều thay đổi, người Ê Đê, người Mông, Gia Rai... không còn sử dụng trang phục truyền thống, kiến trúc nhà cửa cũng mô phỏng theo kiến trúc của người miền xuôi. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, từ trồng cây lúa rẫy sang cây công nghiệp (cà phê, cao su, ca cao...), đã dẫn đến sự suy giảm những sinh hoạt cồng chiêng gắn với hoạt động sản xuất truyền thống. Không gian buôn làng, khu nhà mồ, bến nước... là không gian văn hóa cồng chiêng đã bị thu hẹp hoặc thay thế bằng nhà xây kiên cố, giếng khoan. Đời sống và sinh hoạt hiện đại làm thay đổi nhận thức về tính thiêng và tính cộng đồng của văn hóa cồng chiêng. Nhiều hộ gia đình đã bán đi những bộ chiêng, ché, kpan quý.

Sự xuất hiện nhiều loại hình giải trí mới đã thu hút giới giới trẻ, do đó, họ không còn tha thiết với văn hóa dân tộc như tham gia các hoạt động biểu diễn, trình diễn văn hóa dân tộc. Lớp trẻ chưa thật sự yêu thích, quan tâm đến văn hóa truyền thống độc đáo, đặc sắc của dân tộc mình trong khi nhiều nghệ nhân giới do tuổi tác cao, lần lượt qua đời.

Ở vùng đồng bào các dân tộc theo đạo Tin lành, các giá trị văn hóa truyền thống bị từ bỏ.

Sự biến đổi trên xuất phát từ nhiều yếu tố nhưng nguyên nhân cơ bản nhất vẫn là quy luật phát triển của lịch sử, văn hóa. *Trước hết*, là do sự biến đổi trong đời sống kinh tế của cộng đồng, dẫn đến nhu cầu tinh thần hưởng thụ văn hóa truyền thống không còn được duy trì. *Thứ hai*, do quá trình di dân thời gian qua khiến cho bản sắc văn hóa cũng bị pha loãng dần, sự biến đổi của đời

sống xã hội khiến nhiều nét văn hóa biến đổi theo. *Thứ ba*, nhân dân các dân tộc thiểu số chỉ mới ý thức chứ chưa nhận thức sâu sắc về bản sắc văn hóa của dân tộc mình trước sự giao thoa văn hóa và dưới những tác động mạnh mẽ của đời sống xã hội và tôn giáo. *Thứ tư*, công tác quản lý còn yếu kém, nên chưa lường hết mặt trái của vấn đề khi giúp đồng bào các dân tộc thiểu số xây dựng một cuộc sống mới. Sự phiến diện trong nhận thức, trong cách nghĩ, cách làm nên thường áp đặt, nóng vội.

4. Các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS hiện nay

Nói đến phát triển các dân tộc thiểu số trước hết là nói đến phát triển văn hóa, trong đó việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu có tính đột phá. Các giá trị văn hóa truyền thống, không chỉ là vốn quý mà còn là nhựa sống hàng ngày của các dân tộc thiểu số. Vì vậy, quá trình xây dựng đời sống văn hóa là phải giải quyết bài toán về phát triển và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số. Đứng trước những thách thức ấy, việc khôi phục, bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa truyền thống các DTTS Việt Nam trở thành nhiệm vụ cấp bách, vừa mang tính trước mắt, vừa mang tính lâu dài.

- Về nhận thức, phải có thái độ tôn trọng đối với di sản văn hóa các dân tộc, không vì công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển các giá trị vật chất mà hy sinh các giá trị tinh thần, văn hóa dân tộc. Vì vậy, đi đôi với việc điều tra, nghiên cứu một cách cơ bản, có hệ thống mọi giá trị văn hóa các dân tộc để có cơ sở khoa học cho việc xác định phương hướng và giải pháp xây dựng văn hóa mới của các dân tộc, cần nghiên cứu tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với các giá trị văn hóa: giá trị nào thích ứng với điều kiện mới, giá trị nào mất đi để có giải pháp khôi phục và phát huy giá trị văn hóa phù hợp với điều kiện mới.

- Việc bảo tồn và phát huy văn hóa các DTTS nhất thiết phải được đặt trong môi trường sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Vì toàn bộ kho tàng không lồ văn hóa các DTTS vốn sống trong môi trường cộng đồng; được sinh thành, nuôi dưỡng và phát triển trong môi trường này, phục vụ cuộc sống vật chất và tinh thần của cộng đồng. Phải trả nó về cộng đồng, công chúng để họ giữ gìn và phát triển trong môi trường gốc. Bên cạnh đó, cần tận dụng và lợi dụng thế mạnh của kỹ thuật truyền thông hiện đại để chuyển tải các giá trị văn hóa DTTS có sức hấp dẫn, lan tỏa mạnh mẽ hơn.

Kế thừa và phát huy những mặt tích cực, mặt tốt có khả năng thích ứng và phù hợp với xã hội mới và con người mới, cụ thể là phải phù hợp với nội dung của nền văn hóa mới.

Đặc điểm của văn hóa các dân tộc thiểu số cho thấy, văn hóa dân gian có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân. Vì vậy, cần chú ý phát triển giá trị văn hóa dân gian, khẳng định vị trí của nó trong sự nghiệp phát triển tiếp theo của văn hóa dân tộc.

Việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi phải: Tôn trọng nguyên tắc tổng thể của văn hóa trong quá trình phát huy và kế thừa những giá trị văn hóa vì mỗi yếu tố văn hóa không thể tách rời với tổng thể chung của nền văn hóa và xa hơn với tổng thể kinh tế - xã hội. Việc đưa các giá trị văn hóa truyền thống phát huy trong xã hội hiện đại, hay ngược lại đưa cái mới vào văn hóa truyền thống phải hết sức chú ý tính hệ thống của nó. Đây là một quá trình lâu dài chứ không thể nóng vội, thông qua các bước pha trộn, chọn lọc, sao chép, thích ứng và liên kết hóa.

Có thái độ và cách nhìn thực sự văn hóa, tức là không được nhìn nhận và hành động đối với văn hóa dân tộc khác thông qua lăng kính

và hệ giá trị của dân tộc mình mà cần có thái độ tôn trọng đối với di sản văn hóa các dân tộc. Bởi vì, giá trị văn hóa của mỗi dân tộc được tạo ra trong suốt trường kỳ lịch sử dân tộc đó nên nó ăn sâu vào tâm thức, tình cảm con người mà nhiều khi thời đại khác, dân tộc khác khó có thể cảm thụ được.

- Xác định các biện pháp phù hợp để xây dựng một nền văn hóa dân tộc có bản sắc riêng, bắt rễ sâu vào cội nguồn văn hóa dân tộc trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng đang diễn ra hiện nay.

Trước hết, cần phục hồi và phát triển các hình thức văn hóa dân gian như: ca múa nhạc, lễ hội truyền thống với quy mô rộng lớn. Việc giữ gìn những lễ hội truyền thống này sẽ hấp dẫn, lôi cuốn khách du lịch muốn trở về với cội nguồn văn hóa. Chính đó là điều kiện cho ngành du lịch, dịch vụ phát triển.

Thứ hai, công tác bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống phải bắt đầu từ các giá trị tồn tại tương đối lâu dài, có tác dụng chi phối các đặc điểm khác, cũng như khu biệt nền văn hóa này với nền văn hóa khác.

Thứ ba, bảo tồn giá trị văn hóa các DTTS phải gắn liền với sự phát triển, tức là “bảo tồn động”, hướng tới mục đích phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Điều đó có nghĩa, cần bảo tồn có chọn lọc, trọng tâm, trọng điểm; bảo tồn gắn liền với khai thác, phát huy các giá trị truyền thống, bảo tồn trong sự phát triển.

Để không làm thất lạc các giá trị văn hóa DTTS, công tác nghiên cứu, sưu tầm, hệ thống hóa và bảo quản tư liệu cũng vô cùng quan trọng. Phải có chính sách khuyến khích các nghệ nhân trao truyền di sản văn hóa, lồng ghép cùng chính sách ưu đãi đối với nghệ nhân ưu tú và nghệ nhân nhân dân ở các dân tộc. Từ đó, khuyến khích hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, truyền dạy và giới thiệu các di sản văn hóa của

cộng đồng các DTTS. Để thực hiện được điều này, ngoài tâm và tầm của người nghiên cứu, sưu tầm, cần có sự chung tay đắc lực của già làng, trưởng bản, nghệ nhân và những người có uy tín, am hiểu về văn hóa, phong tục tập quán dân tộc.

- Xác định bản (buôn, sóc, ấp) là địa bàn cơ sở để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng đời sống văn hóa mới. Bản mường vùng Tây Bắc, buôn, plei vùng Tây Nguyên, ấp (phum, sóc) vùng Nam Bộ không chỉ là lãnh thổ cư trú mà còn là không gian văn hóa dân tộc. Đó là một chỉnh thể không gian cho phép một cộng đồng sinh tồn và sáng tạo, thực hành, trao truyền các giá trị đặc trưng của tộc người thuộc cộng đồng đó. Với người dân tộc thiểu số ý thức về bản làng, buôn làng, phum, sóc thậm chí còn đậm hơn ý thức về cộng đồng tộc người; các đặc trưng của văn hóa cộng đồng được phản ánh trong không gian này. Về mặt cấu trúc, không gian buôn làng được hình thành bởi 4 yếu tố có mối quan hệ tương hỗ: Không gian sinh kế, không gian cư trú, không gian sinh hoạt cộng đồng, không gian sinh hoạt tâm linh. Trên cơ sở xác định vị trí buôn làng trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống cũng như xây dựng đời sống văn hóa mới, cần tiếp tục đầu tư phát triển và hoàn thiện các thiết chế văn hóa ở buôn làng; phần đầu trong thời gian tới tất cả các buôn làng có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng hoặc nhà rông, có sân bãi thể dục thể thao,... đảm bảo các điều kiện cần thiết tổ chức được các sinh hoạt văn hóa cộng đồng của buôn làng.

- Phát huy vai trò người dân - vừa là chủ nhân, vừa là người hưởng thụ các giá trị văn hóa - những người có khả năng nuôi dưỡng và phát huy tốt nhất các giá trị văn hóa truyền thống, trong đó nòng cốt là các già làng, các nghệ nhân và trí thức các dân tộc. Chỉ có họ mới đủ khả năng nhận diện bản sắc văn hóa, có ý thức, tâm hồn và niềm tự hào của dân

tộc, từ đó hình thành động lực và sức mạnh nội tại để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng đời sống văn hóa trong điều kiện mới.

Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước cần có chính sách giáo dục mang tầm vĩ mô về tầm quan trọng của việc bảo tồn văn hóa dân tộc, không chỉ là trong từng cộng đồng dân tộc, mà cần đồng đều cho mọi đối tượng. Hình thức tuyên truyền có thể qua nhiều phương tiện thông tin đại chúng hay lồng ghép vào các hoạt động, chương trình văn hóa văn nghệ. Ngoài ra, cũng cần có biện pháp lồng ghép với chương trình giáo dục học đường, nhất là về ngôn ngữ và văn hóa truyền thống ở chính các trường học có con em DTTS theo học. Điều đó sẽ giúp các em ngay từ nhỏ đã biết tôn vinh, bảo vệ nền văn hóa truyền thống khi bắt đầu giao lưu, tiếp xúc với văn hóa bên ngoài.

- Các cơ quan quản lý nhà nước cần phát huy vai trò định hướng, quản lý và huy động các nguồn lực phục vụ cho nghiên cứu và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa cổ truyền cũng như xây dựng đời sống văn hóa của cộng đồng./.

T.M.D

1. Ban Chỉ đạo Tây Bắc - Vụ Dân tộc và Tôn giáo (2017), "Báo cáo về quan hệ dân tộc, xu

hướng biến đổi và tình hình thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Tây Bắc", Yên Bái, 8 - 2017.

2. Trương Minh Đức (2016), *Quan hệ tộc người ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 229, 230.

3. Trương Minh Đức (2016), Sđd, tr. 231.

4. Trương Minh Đức (Chủ nhiệm đề tài) (2019), Xu hướng biến đổi quan hệ dân tộc: Những vấn đề đặt ra và hướng chính sách, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài cấp quốc gia, mã số KX.04.21/16-20, Đà Nẵng.

5. Ban Chỉ đạo Tây Bắc - Vụ Dân tộc và Tôn giáo (2017), "Báo cáo về quan hệ dân tộc, xu hướng biến đổi và tình hình thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Tây Bắc", Tlđd.

6. Nguồn: Tỉnh ủy Gia Lai (2017), "Báo cáo quan hệ dân tộc và xu hướng biến đổi quan hệ dân tộc trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc ở Gia Lai", Pleiku, 12-6-2017.

7. Trương Minh Đức (2016), Sđd, tr. 260.

8. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng - Ban Dân tộc (2017), "Báo cáo thực trạng đời sống đồng bào DTTS tỉnh Sóc Trăng".

9. Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng - Ban Dân tộc (2017), "Báo cáo thực trạng đời sống đồng bào DTTS tỉnh Sóc Trăng"; Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh - Ban Dân tộc (2017), "Báo cáo về quan hệ dân tộc, xu hướng biến đổi và tình hình thực hiện chính sách dân tộc ở các tỉnh Tây Nam Bộ", Trà Vinh, tháng 7- 2017.

Trương Minh Đức: *Preserve and promote the cultural values of ethnic minorities in Vietnam during the renovation period*

Vietnam is a multi-nation/ethnic, multicultural country. Traditional culture of ethnic minorities has been formed throughout history, precious heritage, contributing to the richness, diversity and unity of Vietnamese culture.

During the renovation period, the Communist Party of Vietnam and the State has made many guidelines, policies and incentives to promote socio-economic development in mountainous and ethnic minority areas. In addition to economic development facilitation, well-being enhancement, cultural development is to be promoted to build a healthy, cultural, spiritual life for ethnic minorities. It is an urgent task to preserve and promote the cultural identity of ethnic minorities for sustainable development of the country.

Key word: Culture of ethnic minority, promotion, preservation.